

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Mai Ngọc Túy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị DTL; ĐKKHKT: Số 56/43 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh LTB; ĐKKHKT: Số 56/43 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-10-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị DTL trình bày:

Chị DTL và anh LTB xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111 ngày 15-11-2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp. Chị DTL và anh LTB đã sống ly thân từ năm 2018, không còn quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo để chị DTL và anh LTB đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn gia đình ngày một trầm trọng không thể khắc phục được. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên chị DTL đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh LTB theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị DTL và anh LTB có 01 con chung là D sinh ngày 07-3-2016. Hiện tại cháu D do chị DTL đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị DTL đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh LTB trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị DTL và anh LTB tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị DTL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và biên bản làm việc, bị đơn anh LTB trình bày như sau: Anh LTB và chị DTL xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111 ngày 15-11-2016. Quá trình chung sống, giữa hai bên phát sinh một số mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, khoảng 01 năm nay, anh LTB và chị DTL sống ly thân. Nay, chị DTL đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh chưa đồng ý vì con chung vẫn còn nhỏ và muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh LTB có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu D. Việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh LTB không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày đề ngày 15-10-2019, bà Lê Thị Tính (mẹ đẻ chị DTL) trình bày: Chị DTL và anh LTB kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa chị DTL và anh LTB bất đồng quan điểm sống và tính cách nên phát sinh mâu thuẫn, công việc của anh LTB không ổn định, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Mâu thuẫn giữa hai bên ngày một trầm trọng, hai bên gia đình đã động viên, khuyên bảo để chị DTL và anh LTB đoàn tụ để nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Bản thân bà Tính và gia đình mong muốn chị DTL và anh LTB đoàn tụ. Tuy nhiên, việc chị DTL làm đơn ly hôn với anh LTB là việc riêng của hai anh chị, do chị DTL và anh LTB tự quyết định.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị DTL và anh LTB kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111 ngày 15-11-2016, nên hôn nhân giữa chị DTL và anh LTB là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị DTL, anh LTB bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị DTL và anh LTB đã ly thân từ năm 2018 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị DTL được ly hôn với anh LTB; về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 07-3-2016 cho anh LTB trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị DTL và anh LTB tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Chị DTL và anh LTB không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị DTL phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và sổ hộ khẩu thể hiện chị DTL và anh LTB đều đăng ký HKTT tại số 56/43 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn là chị DTL với bị đơn là anh LTB thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh LTB mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh LTB.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị DTL và anh LTB xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111 ngày 15-11-2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị DTL với anh LTB là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và quan điểm của bị đơn: Chị DTL cho rằng quá trình chung sống, giữa chị và anh LTB phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp, hai bên sống ly thân từ năm 2018 nay và không còn quan tâm đến nhau; hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng chị DTL, anh LTB đoàn tụ nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, chị DTL làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho chị DTL được ly hôn với anh LTB theo quy định của pháp luật.

Anh LTB thống nhất với lời khai của chị DTL về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn gia đình và việc sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh LTB cho rằng mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng, anh chưa muốn ly hôn vì con còn nhỏ, muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con. Trường hợp chị DTL vẫn đề nghị ly hôn, anh đồng ý ly hôn và được nuôi con chung là cháu D. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị DTL xác định không còn tình cảm với anh LTB do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ gia đình.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị DTL và anh LTB không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị DTL yêu cầu ly hôn với anh LTB là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của chị DTL: Chị DTL được ly hôn với anh LTB.

[5] Về con chung: Chị DTL và anh LTB có 01 con chung là D sinh ngày 07-3-2016. Hiện tại cháu D đang sinh sống cùng chị DTL. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, chị DTL và anh LTB đều thống nhất giao cháu D cho anh LTB trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị DTL và anh LTB tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc chị DTL và anh LTB thống nhất giao cháu D cho anh LTB nuôi dưỡng hoàn toàn tự nguyện nên cần

giao cháu D cho anh LTB trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị DTL và anh LTB tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị DTL và anh LTB không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị DTL phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị DTL được ly hôn anh LTB.

2. Về con chung: Giao con chung là D sinh ngày 07-3-2016 cho anh LTB trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị DTL và anh LTB tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị DTL có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh LTB cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị DTL trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp chị DTL lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh LTB có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị DTL.

3. Về tài sản chung: Chị DTL và anh LTB không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị DTL phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008374, ngày 11-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị DTL đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Chung